

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2024
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Ngọc Tiến.

2/ Ông Nguyễn Vi Tường Thụy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 477/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 213/2023/QĐHPT-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồng T, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 2 P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: D (số cũ D B) H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2023 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Hồng T trình bày:

Bà và ông Phạm Hoàng V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/8/2020.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để ổn định cuộc sống, giải tỏa

áp lực tinh thần bà **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn với ông **V**.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông **V** đến Tòa để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông **V** đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà **T**.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Do bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Hồng T** yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông **Phạm Hoàng V** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **Quận A** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **V** vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 99 do Ủy ban nhân dân Phường **G1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 20/8/2020, có cơ sở xác định quan

hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Hồng T và ông Phạm Hoàng V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, lời trình bày của bà T, quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, lối sống. Cả hai đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng giữa hai người không còn tình cảm, không tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Hai người đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Bà T yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà để bà được ổn định cuộc sống.

Xét, bị đơn ông Phạm Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng ông không đến, việc ông không đến Tòa cho thấy ông không còn quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà T nữa.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T tự khai không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Hồng T được ly hôn với ông Phạm Hoàng V
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà **T** chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0035367 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- UBND Phường 7, Quận 8;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan